

Số: 64/2025/QĐST-HNGĐ

K, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Phiếu kết quả xét nghiệm ADN số: NV25D2638, ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH TMDV NOVAMED.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - P, về việc Yêu cầu xác nhận cha cho con.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Ngô Xuân Gi**, sinh năm 1986; HKTT: thôn N, xã N, Thành phố H.

Bị đơn: Chị **Bùi Thắng C**, sinh năm 1991; HKTT: xóm Ch, xã K, tỉnh P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Ngô Xuân Gi và chị Bùi Thắng C cùng thống nhất xác định: Anh Ngô Xuân Gi là cha đẻ của cháu **Ngô Việt A**, sinh ngày 15/8/2023; Giấy chứng sinh cấp lại số: 362; Quyền số: 04; Nơi cấp: Bệnh viện E - Bộ Y tế và Kết quả xét nghiệm ADN số: NV25D2638 ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH TMDV NOVAMED.

2.2. Về án phí: Anh Ngô Xuân Gi tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc xác nhận cha cho con. Nhưng anh Ngô Xuân Gi được miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc xác nhận cha cho con theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND Khu vực 13 - P;
- Phòng THADS Khu vực 13, tỉnh P;
- UBND xã N;
- UBND xã K;
- Công thông tin TAND;
- Cơ quan đăng ký hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tư Duy

